

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
NĂM 2024

Hà Nội - 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT- BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2023 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Căn cứ Quyết định 372/CP ngày 17 tháng 12 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Đề án tuyển sinh đại học năm 2024 của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

Điều 2. Đề án được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) và công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển đúng thời hạn theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Các đơn vị, phòng ban, khoa liên quan, các cán bộ, giảng viên, thí sinh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT, NTHH (20).



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Nguyễn Đình Thi

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội
2. Mã trường: SKD
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu): Khu Văn hóa nghệ thuật, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: www.skda.edu.vn
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh): Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội
(<https://www.facebook.com/skda.edu.vn>)
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0243.834.1522
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp
Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

STT	Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
1	Nghệ thuật					
1.1	Sáng tác âm nhạc	Đại học chính quy	0	0	0	0
1.2	Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu	Đại học chính quy	0	0	0	0
1.3	Biên kịch sân khấu	Đại học chính quy	0	0	0	0
1.4	Diễn viên sân khấu kịch hát	Đại học chính quy	55	40	19	100%

1.5	Đạo diễn sân khấu	Đại học chính quy	49	25	12	100%
1.6	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình	Đại học chính quy	0	0	0	0
1.7	Biên kịch điện ảnh, truyền hình	Đại học chính quy	35	29	30	96.7%
1.8	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	Đại học chính quy	36	38	27	96.3%
1.9	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	Đại học chính quy	30	32	24	87%
1.10	Quay phim	Đại học chính quy	50	35	29	100%
1.11	Biên đạo múa	Đại học chính quy	30	42	27	100%
1.12	Huấn luyện múa	Đại học chính quy	15	5	4	100%
1.13	Nhiếp ảnh	Đại học chính quy	60	59	39	100%
1.14	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	Đại học chính quy	30	28	22	100%
1.15	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Đại học chính quy	70	56	33	97%
	Tổng		460	389	266	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

- Năm 2022: <http://skda.edu.vn/2022/06/10/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2022-2/>

- Năm 2023: <https://skda.edu.vn/2023/05/17/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023/>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Năm tuyển sinh 2022: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển

- Năm tuyển sinh 2023: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Lĩnh vực Nghệ thuật							
1.1.	Ngành Sáng tác âm nhạc	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	0	0		0	0	
1.2.	Ngành Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu		0	0		0	0	
1.3.	Ngành Biên kịch sân khấu		0	0		0	0	
1.4.	Ngành Diễn viên sân khấu kịch hát		55	24	13.50	50	19	17.00
1.5.	Ngành Đạo diễn sân khấu		35	14	17.00	35	25	15.00
1.6.	Ngành Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình		0	0		0	0	0
1.7.	Ngành Biên kịch điện ảnh, truyền hình		35	34	15.00	35	38	16.00
1.8.	Ngành Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình		36	43	17.00	40	37	17.00
1.9.	Ngành Đạo diễn điện ảnh, truyền hình		35	27	16.50	30	28	15.00
1.10.	Ngành Quay phim		35	30	17.50	35	34	16.00
1.11.	Ngành Biên đạo múa		45	31	16.00	45	56	17.00
1.12.	Ngành Huấn luyện múa		10	13	18.00	10	14	17.50
1.13.	Ngành Nhiếp ảnh		60	37	16.50	55	52	16.50
1.14.	Ngành Công nghệ điện ảnh, truyền hình		35	16	15.00	30	22	14.00
1.15.	Ngành Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh		79	71	16.00	95	74	18.00
	Tổng		460	340		460	399	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:
<https://skda.edu.vn/2023/06/28/thong-tin-danh-muc-nganh-duoc-phep-dao-tao-2/>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình	9210231	833/QĐ/BGDĐT	28/02/2012	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	2023
2.	Lý luận và lịch sử sân khấu	9210221	833/QĐ/BGDĐT	28/02/2012	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	2023
3.	Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình	8210232	2533/QĐ/BGD&ĐT	13/06/2000	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2000	2023
4.	Nghệ thuật sân khấu	8210222	2533/QĐ/BGD&ĐT	13/06/2000	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2000	2023
5.	Sáng tác âm nhạc	7210203	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2014
6.	Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu	7210221	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2004
7.	Biên kịch sân khấu	7210225	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2004
8.	Diễn viên sân khấu kịch hát	7210226	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023

9.	Đạo diễn sân khấu	7210227	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023
10.	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình	7210231	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2018
11.	Biên kịch điện ảnh, truyền hình	7210233	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023
12.	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023
13.	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023
14.	Quay phim	7210236	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023
15.	Biên đạo múa	7210243	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023
16.	Huấn luyện múa	7210244	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023
17.	Nhiếp ảnh	7210301	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023
18.	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	7210302	1337/QĐ-BGDĐT	30/03/2005	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2023
19.	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	7210406	372/CP	17/12/1980	845/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Hội đồng Chính phủ	1981	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Trường:
www.skda.edu.vn

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo¹ trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội công khai Quy chế thi tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường:
www.skda.edu.vn

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội công khai Đề án tổ chức thi trên trang thông tin điện tử của Trường:
www.skda.edu.vn

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

a) Đối tượng dự tuyển là người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuộc một trong hai trường hợp sau:

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương được dự tuyển vào tất cả các ngành;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật được dự tuyển vào các ngành thuộc nhóm ngành của ngành nghề đã tốt nghiệp trung cấp.

b) Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Nhà trường;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ thi tuyển theo quy định.

c) Thí sinh dự thi một số ngành đặc thù

* *Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình; Diễn viên chèo; Diễn viên cải lương:*

- Có độ tuổi từ 17 đến 22. Chiều cao tối thiểu đối với nam: 1m65; nữ: 1m55.

¹ Thực hiện từ năm 2023

- Người cân đối, không có khuyết tật hình thể. Có tiếng nói tốt, không nói ngọng, nói lắp (Riêng đối với Diễn viên chèo, Diễn viên cải lương cần có giọng hát tốt).

- Thí sinh nữ khi dự thi không mặc áo dài, không mặc váy và không được trang điểm.

* *Biên đạo múa, Huấn luyện múa*: Đã tốt nghiệp Trung cấp Múa, Cao đẳng Múa.

Biên đạo múa đại chúng: Đã tốt nghiệp THPT, có năng khiếu nghệ thuật múa, có hình thể đẹp.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

- Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

- Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

Theo Đề án tuyển sinh riêng của Trường: kết hợp giữa thi tuyển các môn năng khiếu với xét tuyển điểm tổng kết lớp 12 trong học bạ THPT. Điểm các môn này phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông (điểm trung bình từ 5.0 trở lên).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổng hợp xét tuyển ² 1		Tổng hợp xét tuyển 2		Tổng hợp xét tuyển 3		Tổng hợp xét tuyển 4	
							Tổng hợp môn	Môn chính	Tổng hợp môn	Môn chính	Tổng hợp môn	Môn chính	Tổng hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.	Đại học	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát			35								

² Tổng hợp xét tuyển được hiểu là: tổng hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

2.	Đại học	7210227	Đạo diễn sân khấu
3.	Đại học	7210233	Biên kịch điện ảnh, truyền hình
4.	Đại học	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình
5.	Đại học	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình
6.	Đại học	7210236	Quay phim
7.	Đại học	7210243	Biên đạo múa
8.	Đại học	7210244	Huấn luyện múa
9.	Đại học	7210301	Nhiếp ảnh
10.	Đại học	7210302	Công nghệ điện ảnh, truyền hình

406

Kết hợp
kết quả
học tập
cấp
THPT
với
điểm
thi năng
khiếu
để xét
tuyển

30								
35								
55								
45								
35								
40								
10								
60								
30								

11.	Đại học	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh			85									
-----	---------	---------	--------------------------------------	--	--	----	--	--	--	--	--	--	--	--	--

1.5. Ngưỡng đầu vào.

- Theo yêu cầu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành đào tạo.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Mã trường: **SKD**

- Mã ngành:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành
1.	Diễn viên sân khấu kịch hát	7210226
2.	Đạo diễn sân khấu	7210227
3.	Biên kịch điện ảnh, truyền hình	7210233
4.	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình	7210234
5.	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235
6.	Quay phim	7210236
7.	Biên đạo múa	7210243
8.	Huấn luyện múa	7210244

9.	Nhiếp ảnh	7210301
10.	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	7210302
11.	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	7210406

Tổ hợp môn xét tuyển: Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội chỉ tuyển sinh theo khối các trường năng khiếu.

Cụ thể như sau:

- + Khối S: Thí sinh dự thi 2 môn năng khiếu và xét tuyển điểm tổng kết môn Ngữ văn lớp 12 trong học bạ THPT.
- + Khối S1: Thí sinh dự thi 2 môn năng khiếu và xét tuyển điểm tổng kết môn Toán lớp 12 trong học bạ THPT đối với ngành Công nghệ điện ảnh, truyền hình, mã ngành 7210302, bao gồm 2 chuyên ngành: Âm thanh điện ảnh – truyền hình và Công nghệ dựng phim.

- LƯU Ý:

* Đối với thí sinh đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành chỉ tổ chức thi 1 vòng: Thí sinh phải nộp học bạ THPT vào ngày tập trung thí sinh.

* Đối với thí sinh đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành tổ chức thi 2 vòng: Thí sinh phải đạt ở vòng sơ tuyển mới được dự thi vòng chung tuyển. Thí sinh nộp học bạ THPT vào ngày công bố kết quả thi sơ tuyển và làm thủ tục thi chung tuyển.

- Điểm trúng tuyển vào các ngành khối S và S1 gồm 2 loại điểm:

+ Điểm Năng khiếu (hệ số 2).

+ Tổng điểm: gồm điểm Năng khiếu cộng điểm Ngữ văn đối với khối S hoặc Toán đối với khối S1, cộng thêm điểm ưu tiên (nếu có) và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Trường tự chủ xét tuyển, sử dụng kết quả thi riêng trên cơ sở số chỉ tiêu được phân, đảm bảo chất lượng và công bằng.

- Theo quy chế tuyển sinh, trường không nhận đơn phúc khảo điểm thi năng khiếu.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

- Thi tuyển tại trường từ ngày 01/7/2024 đến ngày 07/7/2024 (dự kiến).

a. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Túi hồ sơ đăng ký dự thi (gồm 2 phiếu: số 1 và số 2) theo mẫu của Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội phát hành. Mẫu phiếu được đăng công khai trên trang thông tin tuyển sinh của trường tại địa chỉ www.skda.edu.vn.
- 04 ảnh 4x6 cm và 02 phong bì đã ghi sẵn địa chỉ báo tin.
- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

Chú ý:

Hồ sơ do trường phát hành được bán tại phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (phòng A2.103) Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội từ ngày **13/05/2024**. Trường hợp thí sinh ở xa không có điều kiện về trường mua hồ sơ, có thể in từ trên mạng 2 phiếu ĐKDT, thực hiện kê khai, xin xác nhận theo đúng yêu cầu quy định trong mẫu và gửi chuyển phát nhanh về trường trong thời hạn quy định. Khi về trường làm thủ tục dự thi sẽ thực hiện việc mua túi hồ sơ sau.

Thí sinh phải ghi rõ mã ngành/chuyên ngành (ký hiệu bằng các chữ cái A, B, C, D...) vào phía phải ô mã ngành, in trong hồ sơ đăng ký dự thi.

b. Thí sinh chỉ được chọn dự thi một ngành/chuyên ngành tại trường.

c. Thí sinh phải đăng ký nguyện vọng trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

d. Hồ sơ đăng ký dự thi thí sinh trực tiếp nộp tại Trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội hoặc có thể gửi chuyển phát nhanh về Ban thư ký tuyển sinh - Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, (kèm theo lệ phí).

e. Thời gian trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi ngành/chuyên ngành tại Trường từ ngày **20/5/2024 đến hết ngày 07/6/2024**. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi qua đường chuyển phát nhanh, căn cứ theo dấu bưu điện trong thời gian trên được xem là hợp lệ. (Thí sinh cần liên hệ với Ban thư ký Tuyển sinh để biết kết quả nộp hồ sơ).

- Thời gian đón tiếp thí sinh hàng ngày:

+ Sáng từ 8h30 – 11h30

+ Chiều từ 14h00 – 17h00

(nghỉ ngày thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ theo quy định của Nhà nước).

- Nơi nhận hồ sơ: Ban Thư ký tuyển sinh, Phòng A2.101, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, khu Văn hoá nghệ thuật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Điện thoại: 024.3834.1522

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

- Đối với các thí sinh được ưu tiên theo đối tượng hay khu vực, mức chênh lệch điểm thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đối với các thí sinh thuộc chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Thí sinh bắt buộc phải dự thi năng khiếu nếu đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành chỉ tổ chức thi 1 vòng.

+ Thí sinh chỉ được miễn thi vòng sơ tuyển và bắt buộc phải dự thi vòng chung tuyển nếu đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành tổ chức thi 2 vòng.

* Đối với những thí sinh trúng tuyển vào các ngành Biên đạo múa (kể cả Biên đạo múa đại chúng), Huấn luyện múa, Diễn viên sân khấu kịch hát được giảm 70% học phí.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

Thực hiện chế độ thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp theo quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Thực hiện theo:

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 12.600.000.000 đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 9.250.000 đồng/sinh viên.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://skda.edu.vn>

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Cán bộ kê khai

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Họ và tên: Phạm Thị Ngọc Anh

SĐT: 0915 76 67 86

Email: ngocanh.skda@gmail.com

Ngày 25 tháng 4 năm 2024



PGS.TS Nguyễn Đình Thi